TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** *TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

Số: 68/2026/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ Việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 194/2026/TLST-VHN ngày 19/3/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

* *Người yêu cầu:* Ông Lê Công Đ, sinh ngày 20/11/1978, CCCD số 034078011465 cấp ngày 20/4/2021.

Địa chỉ: Ấp S, xã X, TP ..

* *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 30/01/1976, CCCD số 083176002646 cấp ngày 20/4/2021.

Địa chỉ hiện nay A, đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/4/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông Lê Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh H thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung, gồm: Lê Thị Hồng N, sinh ngày 22/11/1999 và Lê Đức V, sinh ngày 20/3/2002. Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ, bà H mỗi người phải nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai số 0016592 và số 0016593 cùng ngày 18/3/2026 của Thi hành dân sự Thành phố H– Khu vực 11. Ông Đ,bà H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP . Hồ Chí Minh - Khu vực 11;
- UBND phường Rạch Dừa, TP.Hồ Chí Minh
(Cũ là Phường 10, TP.Vũng Tàu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thế Dũng